

Số: 364 /BC-BYT

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19
(Từ 16h00 ngày 15/3/2022 đến 16h00 ngày 16/3/2022)

Bộ Y tế (Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Quốc gia) báo cáo tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 như sau:

I. Tình hình dịch bệnh trên thế giới

- Tổng số ca mắc trên thế giới vượt 462 triệu ca, trong đó trên 6 triệu ca tử vong.
- Mặc dù số ca mắc mới COVID-19 ghi nhận hàng ngày tại Mỹ đã giảm nhiều, chỉ còn hơn 24.000 ca/ngày, nhưng trong làn sóng lây nhiễm biến thể Omicron hiện nay, tình trạng trẻ em mắc COVID-19 đang gây lo ngại tại nước này. Theo báo cáo mới nhất của Trung tâm Kiểm soát và phòng chống dịch bệnh (CDC) của Mỹ, số trẻ em dưới 4 tuổi, kể cả trẻ sơ sinh, phải nhập viện do mắc COVID-19 cao gấp 5 lần so với thời kỳ đỉnh dịch mà biến thể Delta hoành hành. Đây là nhóm dễ bị tổn thương song chưa có vaccine phòng ngừa. CDC kêu gọi cần có những chiến lược để ngăn chặn nguy cơ mắc COVID-19 ở trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, như đẩy mạnh chương trình tiêm chủng cho những người đã đủ điều kiện tiêm chủng như phụ nữ mang thai, các thành viên khác trong gia đình, người chăm sóc trẻ. Theo thống kê mới nhất của Viện Nhi khoa và Hiệp hội Nhi khoa Mỹ, từ đầu dịch đến nay, Mỹ có 12.752.636 ca mắc COVID-19 là trẻ em, trong đó hơn 7,7 triệu ca được ghi nhận từ đầu tháng 9 đến nay.
- Tại châu Âu, một số nước đang chứng kiến số ca mắc mới gia tăng sau khi nới lỏng các biện pháp phòng dịch. Ngày càng nhiều chuyên gia cảnh báo về những hậu quả khi gỡ bỏ các biện pháp phòng dịch quá sớm, nhất là khi biến thể Omicron đang hoành hành.

Số ca mắc mới tại cả 4 vùng của Anh đã tăng trở lại kể từ cuối tháng 1/2022, trong đó Scotland ghi nhận mức tăng cao kỷ lục. Cụ thể, trong 7 ngày qua, nước này có 492.103 ca mắc mới và 714 ca tử vong. Từ đầu tháng 3, Áo cũng chứng kiến làn sóng lây nhiễm gia tăng trở lại. Ngày 10/3, Áo ghi nhận số ca mắc mới trong 1 ngày cao kỷ lục từ đầu dịch - với 49.432 ca. Tại Hà Lan, số ca nhập viện do COVID-19 trong tuần qua tăng 14%, trong khi số bệnh nhân điều trị tích cực tăng 6%. Tại Đức, số ca mắc mới trong 7 ngày tăng lên con số kỷ lục, với tỷ lệ mắc 1.585,4/100.000 dân.

Từ ngày 16/3, Đức chính thức áp dụng quy định tiêm vaccine ngừa COVID-19 bắt buộc đối với nhân viên y tế và chăm sóc sức khỏe tại nước này, trừ các trường hợp có chứng nhận vừa khỏi COVID-19 và có xác nhận của bác sĩ để được miễn trừ.

II. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam

Tính đến 16h00 ngày 16/3/2022, cả nước ghi nhận 6.820.458 ca mắc, trong đó 6.814.388 ca trong nước. Đến nay đã có 3.550.305 người khỏi bệnh, 41.545 ca tử vong. Trong đợt dịch thứ 4 đã ghi nhận 6.817.606 ca, trong đó có 6.812.818 ca trong nước, 3.547.488 người đã khỏi bệnh (52%), 41.510 tử vong tại 60 tỉnh, thành phố (chi tiết tại Phụ lục 1).

III. Tình hình dịch trong ngày

1. Số ca mắc mới trong ngày

- Ghi nhận 180.558 ca mắc mới, trong đó 180.552 ca ghi nhận trong nước (tăng 5.084 ca so với ngày trước đó) tại 63 tỉnh, thành phố.

+ Các địa phương ghi nhận trong ngày: Hà Nội (26.220), Nghệ An (10.797), Vĩnh Phúc (8.875), Phú Thọ (8.335), Bắc Ninh (5.751), Bình Dương (5.285), Hải Dương (4.972), Lạng Sơn (4.941), Thái Nguyên (4.933), Lào Cai (4.810), Hưng Yên (4.533), Sơn La (4.504), Đắk Lắk (4.472), Tuyên Quang (4.297), Hòa Bình (3.984), Cà Mau (3.881), Quảng Bình (3.656), Điện Biên (3.608), Bình Định (3.115), Thái Bình (3.023), Quảng Ninh (2.999), Bắc Giang (2.978), Yên Bái (2.897), Bến Tre (2.686), Cao Bằng (2.658), Nam Định (2.599), Lâm Đồng (2.598), Lai Châu (2.572), Bình Phước (2.436), Ninh Bình (2.331), Hà Nam (2.241), Quảng Trị (2.160), Hà Giang (2.152), Gia Lai (2.078), Hồ Chí Minh (2.052), Vĩnh Long (1.770), Bắc Kạn (1.702), Tây Ninh (1.586), Đắk Nông (1.465), Khánh Hòa (1.380), Đà Nẵng (1.297), Trà Vinh (1.186), Thanh Hóa (1.071), Quảng Ngãi (1.048), Phú Yên (1.005), Kon Tum (974), Bà Rịa - Vũng Tàu (918), Hà Tĩnh (886), Bình Thuận (800), Quảng Nam (346), Đồng Nai (303), Thừa Thiên Huế (257), Bạc Liêu (251), Long An (240), An Giang (146), Cần Thơ (130), Sóc Trăng (93), Kiên Giang (73), Đồng Tháp (62), Ninh Thuận (60), Hậu Giang (56), Tiền Giang (18).

+ Có 6 ca nhập cảnh ghi nhận tại Nghệ An (3), Cao Bằng (1), Tây Ninh (1), An Giang (1).

- Trong ngày, ghi nhận báo cáo bổ sung 56.827 ca mắc tại Nghệ An, 30.155 ca mắc tại Thanh Hóa sau khi rà soát, bổ sung đầy đủ thông tin.

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày giảm nhiều so với ngày trước: Hải Phòng (giảm 2.032), Hà Giang (giảm 1.873), Hòa Bình (giảm 862).

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày tăng so với ngày trước: Vĩnh Phúc (tăng 5.882), Bình Dương (tăng 1.991), Bến Tre (tăng 1.614).

2. Kết quả giám sát các trường hợp mắc trong cộng đồng

- Cả nước ghi nhận 121.201 ca mắc trong cộng đồng (chiếm 67,1% tổng số mắc trong ngày), giảm 7.055 ca so với ngày trước đó.

+ TP. Hà Nội: Trong ngày ghi nhận 9.124 ca cộng đồng (giảm 10.017 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 891.145 ca.

+ TP. Hồ Chí Minh: Trong ngày ghi nhận 2.052 ca cộng đồng (giảm 194 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 575.229 ca.

+ Tỉnh Vĩnh Phúc: Trong ngày ghi nhận 6.722 ca thông qua sàng lọc (tăng 4.313 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 199.627 ca.

+ Tỉnh Phú Thọ: Trong ngày ghi nhận 5.857 ca cộng đồng (giảm 590 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 200.476 ca.

+ Tỉnh Bình Dương: Trong ngày ghi nhận 5.285 ca cộng đồng (tăng 1.991 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 349.319 ca.

- Trong 7 ngày qua, các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng tăng so với 7 ngày trước đó: Phú Thọ tăng 14.808 ca, TP. Hà Nội tăng 14.278 ca; các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng giảm: Bắc Ninh (giảm 11.745 ca), Quảng Ninh (giảm 2.483 ca).

3. Kết quả giám sát điều trị

- Từ đầu giai đoạn 4 đến nay, có 3.547.488 người đã khỏi bệnh (52%), tăng 167.163 người so với ngày trước đó. Hiện nay đang điều trị, giám sát 3.228.608 trường hợp, trong đó có 4.210 trường hợp nặng đang điều trị, trong đó: (1) Thở ô xy qua mặt nạ: 3.322 (2) Thở ô xy dòng cao HFNC: 458; (3) Thở máy không xâm lấn: 103; (4) Thở máy xâm lấn: 318; (5) EMO: 9.

- Trong ngày 15/3, ghi nhận 68 trường hợp tử vong (giảm 24 ca so với ngày trước đó), tại:
+ TP. Hồ Chí Minh (3) trong đó 1 ca từ Trà Vinh chuyển đến.

+ Tại các tỉnh, thành phố khác: Hà Nội (10), Quảng Ninh (8), Bình Định (6), Bắc Giang (4), Bạc Liêu (4), Bến Tre (3), Bình Dương (3), Bình Thuận (2), Cà Mau (2), Đà Nẵng (2), Gia Lai (2), Kiên Giang (2), Nam Định (2), Quảng Trị (2), Bình Phước (1), Điện Biên (1), Đồng Nai (1), Hậu Giang (1), Khánh Hòa (1), Lâm Đồng (1), Lạng Sơn (1), Nghệ An (1), Ninh Bình (1), Tây Ninh (1), Thái Nguyên (1), Thanh Hóa (1), Tuyên Quang (1).

IV. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Bộ Y tế ban hành Công văn số 1265/BYT-DP ngày 15/3/2022 gửi các Bộ, ngành và các tỉnh, thành phố về việc phòng chống dịch COVID-19 đối với người nhập cảnh.

- Tiếp tục đẩy mạnh tiêm chủng, bảo đảm tiến độ tiêm vắc xin; tăng cường vận động người dân tiêm vắc xin, đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng người để tránh bỏ sót; các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh rà soát và tổ chức tiêm liều cơ bản và liều bổ sung cho người trên 50 tuổi, người có bệnh nền đến khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở; sau khi đã tiêm đủ liều cơ bản thì triển khai tiêm liều bổ sung và liều nhắc lại theo thứ tự ưu tiên

- Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, tư vấn sử dụng thuốc điều trị COVID-19. Trong đó ưu tiên những người thuộc đối tượng chống chỉ định cần được tư vấn, thăm khám (kể cả trực tuyến) để đảm bảo sử dụng thuốc được an toàn.

- Tiếp tục chỉ đạo các địa phương tăng cường giám sát, phát hiện sớm các trường hợp nghi ngờ mắc COVID-19 tại cộng đồng, các trường hợp có biểu hiện ho, sốt để kịp thời khoanh vùng, cách ly, xử lý triệt để ổ dịch không để lây lan, bùng phát rộng; đồng thời triển khai tốt các hoạt động y tế, tránh lây nhiễm chéo trong cách ly, khu phong tỏa.

V. Công tác xét nghiệm:

Tính đến ngày 15/3/2022, cả nước đã thực hiện xét nghiệm được 41.956.007 mẫu cho 85.697.680 lượt người được xét nghiệm, trong đó từ 29/4/2021 – nay đã thực hiện xét nghiệm được 36.222.843 mẫu tương đương 81.949.741 lượt người, tăng 243.847 mẫu so với ngày trước đó. Về việc gộp mẫu bệnh phẩm, từ ngày 16/8/2020 đến nay cả nước đã thực hiện 6.939.439 mẫu gộp cho 49.039.337 lượt người.

VI. Công tác tiêm chủng:

Tổng số vắc xin phòng COVID-19 đã tiếp nhận đến ngày 16/3/2022 là 221,8 triệu liều, cụ thể:

TT	Loại vắc xin	Nguồn Ngân sách nhà nước mua	Nguồn viện trợ, tài trợ				Tổng số vắc xin đã tiếp nhận
			Tổng viện trợ, tài trợ	Viện trợ COVAX	Viện trợ Chính phủ các nước	Tài trợ doanh nghiệp	
	(1)	(2)	(3) = 4+5+6	(4)	(5)	(6)	(7)=2+3
1	AstraZeneca	30.327.036	33.630.840	13.572.980	19.671.460	386.400	63.957.876
2	Pfizer	50.999.130	33.753.120	29.161.080	4.592.040	0	84.752.250
3	Moderna	0	14.077.160	14.036.360	40.800	0	14.077.160
4	Sinopharm	20.000.000	32.261.200	61.200	7.200.000	25.000.000	52.261.200

5	Abdala	5.000.000	150.000	0	150.000	0	5.150.000
6	Sputnik V	0	1.508.998	0	32.000	1.476.998	1.508.998
7	Sputnik Light	0	100.000	0	100.000	0	100.000
I	Tổng số vắc xin đã tiếp nhận	106.326.166	115.481.318	56.831.620	31.786.300	26.863.398	221.807.484
II	Tổng số vắc xin đã phân bổ						204.004.076
III	Số vắc xin viện trợ cho Lào						500.000
IV	Số vắc xin chưa phân bổ						17.303.408

Bộ Y tế đã tiếp nhận đủ số vắc xin mua từ nguồn Ngân sách Nhà nước. Trong tổng số 221,8 triệu liều đã tiếp nhận, đã phân bổ 204 triệu liều và viện trợ cho Lào 500.000 liều vắc xin AstraZeneca, còn khoảng 17,3 triệu liều chưa phân bổ do mới được tiếp nhận, cần tiến hành các thủ tục để kiểm định chất lượng, xuất xưởng vắc xin.

2. Kết quả tiêm chủng đến hết ngày 15/3/2022

Cả nước đã tiêm 200.729.854 liều (trong ngày tiêm được 267.765 liều), tỷ lệ sử dụng đạt 98,4% số vắc xin phân bổ 131 đợt. Tỷ lệ tiêm trên các nhóm đối tượng như sau:

Đối tượng ¹	Mũi 1	Mũi 2	Mũi 3*
Người lớn (>=18 tuổi)	100,0%	99,0%	42,1%
Trẻ em (12-17 tuổi)	99,1%	94,1%	-

Ghi chú: (*) Mũi nhắc lại

- Số liều tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên là 183.671.129 liều:

+ Mũi 1: 70.924.560 liều

+ Mũi 2: 69.328.707 liều ; Mũi bổ sung: 14.581.172 liều.

+ Mũi 3: 28.836.690 liều

47/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 trên 95%.

16/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 từ 90% đến dưới 95% .

- Số liều tiêm cho trẻ từ 12-17 tuổi là 17.058.725 liều:

+ Mũi 1: 8.749.598 liều

+ Mũi 2: 8.309.127 liều.

57/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 trên 90%.

06/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 dưới 90% .

(Chi tiết phân bổ và kết quả tiêm chủng của địa phương tại Phụ lục đính kèm)

VII. Hoạt động của các Bộ, ngành: chi tiết tại Phụ lục 4.

VIII. Nhận định

Đến nay dịch bệnh vẫn đang được kiểm soát trên phạm vi cả nước. Số mắc tiếp tục tăng nhanh tại hầu hết các tỉnh, thành phố chủ yếu do biến thể BA.2 của biến chủng Omicron làm lây lan nhanh hơn, tuy nhiên ít tăng nặng hơn. Do tỷ lệ bao phủ vắc xin cao

¹ Hiện tại có sự di biến động dân cư, đặc biệt trong nhóm đối tượng từ 18 tuổi trở lên. Số liệu đối tượng từ 12-17 tuổi và từ 18 tuổi trở lên đang tổng hợp theo Công văn số 3614/VSDTTU-TCQG ngày 31/12/2021 của Viện VSDTTU và theo điều chỉnh của địa phương sau đó (nếu có).

trên phạm vi toàn quốc, đặc biệt là đã có sự chăm sóc đối tượng nguy cơ cao nên tỷ lệ chết/mắc trên phạm vi toàn quốc giảm sâu. Người khỏi bệnh vẫn có khả năng tái nhiễm, do vậy cần tiếp tục hoàn thành tiêm vắc xin mũi 3; triển khai các biện pháp ưu tiên quản lý, bảo vệ nhóm đối tượng nguy cơ cao; tăng cường năng lực cách ly, chăm sóc, điều trị quản lý người mắc COVID-19 tại nhà; nhất là thực hiện nghiêm thông điệp “5K + vắc xin + thuốc điều trị + công nghệ + đề cao ý thức người dân và các biện pháp khác” là rất quan trọng trong việc kiểm soát ca lây nhiễm, hạn chế bệnh tăng nặng, tử vong.

Dự báo số ca mắc thời gian tới sẽ tiếp tục tăng do mầm bệnh đã lây lan rộng trong cộng đồng; biến thể BA.2 của biến chủng Omicron vẫn là biến thể chủ đạo; việc triển khai các hoạt động dỡ bỏ hạn chế đối với vận chuyển hành khách, mở cửa du lịch, mở cửa lại trường học và các sự kiện thể thao, văn hóa, xã hội, cùng với đó là tâm lý chủ quan, lơ là của một bộ phận người dân làm tăng nguy cơ gia tăng số nhập viện tạo áp lực lớn lên hệ thống chăm sóc y tế, đặc biệt tác động đến các nhóm đối tượng nguy cơ cao (người già, người có bệnh nền).

IX. Một số hoạt động trọng tâm trong thời gian tới

Các nhiệm vụ trong giai đoạn mới được xây dựng trên cơ sở yêu cầu của chiến lược *thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19*, tập trung chỉ đạo thực hiện "đa mục tiêu" nhất là phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội vừa sẵn sàng phòng, chống dịch. Trong đó, tiếp tục thực hiện các nguyên tắc trong phòng, chống dịch đã được kế thừa, đúc kết: *5K + vắc xin, thuốc điều trị + công nghệ + ý thức của Nhân dân*. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu bao gồm:

1. Triển khai thực hiện nghiêm túc Chương trình phòng, chống dịch COVID-19 năm 2022-2023, trong đó tập trung chủ yếu các nội dung: bảo đảm đạt tỷ lệ bao phủ vắc xin phòng COVID-19 và chủ động cung ứng vắc xin; Kiểm soát sự lây lan của dịch COVID-19; Nâng cao năng lực hệ thống y tế, đặc biệt là y tế dự phòng và y tế cơ sở; tăng cường đầu tư trang thiết bị cơ sở y tế, có các chế độ chính sách đãi ngộ phù hợp với những người làm nhiệm vụ y tế dự phòng, y tế cơ sở; tăng cường chất lượng cấp cứu và hồi sức tích cực ở cơ sở khám bệnh, chữa bệnh các tuyến; Bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương bởi dịch COVID-19; Bảo đảm thông tin, truyền thông chủ động trong định hướng dư luận, tạo sự đồng thuận, niềm tin xã hội; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác phòng, chống dịch thống nhất toàn quốc; Chủ động chuẩn bị các biện pháp về kinh tế - xã hội, hành chính theo cấp độ nguy cơ dịch để bảo đảm vừa phòng, chống dịch vừa phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội và ổn định đời sống sinh hoạt của nhân dân.

2. Tiếp tục huy động cả hệ thống chính trị, huy động toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tham gia công tác phòng chống dịch và phát triển kinh tế, xã hội. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp; tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu. Chú trọng nâng cao năng lực, chỉ đạo điều hành, nhất là hệ thống chính trị cơ sở. Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục thực hiện nghiêm, hiệu quả Nghị quyết số 128/NQ-CP. Thực hiện hiệu quả nguyên tắc: 5K+ vắc xin, thuốc điều trị + công nghệ + ý thức người dân.

3. Tiếp tục hoàn thiện các công nghệ phục vụ phòng, chống dịch dựa trên nền tảng cơ sở dữ liệu về dân cư; Tăng cường hơn nữa ý thức của người dân đề tự bảo vệ mình và gia đình, cộng đồng, đất nước, tiếp tục lấy người dân là trung tâm, chủ thể, mục tiêu và động lực trong phòng, chống dịch.

4. Triển khai lộ trình thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19; hướng dẫn các biện pháp thích ứng an toàn, triển khai đánh giá cấp độ

dịch và triển khai các biện pháp đáp ứng phù hợp với diễn biến tình hình dịch COVID-19. Rà soát các quy định, hướng dẫn về cách ly trường hợp tiếp xúc gần (F1), người nhập cảnh; tổ chức cách ly, điều trị người mắc COVID-19 (F0) tại nhà; tham gia công tác, đi làm với các trường hợp F0, F1 đang trong thời gian cách ly; các biện pháp xét nghiệm COVID-19; cơ chế cung ứng thuốc kháng vi rút điều trị COVID-19; sử dụng thuốc điều trị COVID-19 tại nhà theo hướng đơn giản, thuận tiện đảm bảo khoa học và hiệu quả nhất; xây dựng phương án ứng phó không để quá tải hệ thống y tế, tập trung quản lý người có nguy cơ cao và người lao động. Triển khai tiêm vắc xin thần tốc để hoàn thành việc tiêm mũi 3 cho người từ 18 tuổi (trừ các đối tượng chống chỉ định và chưa tới thời gian tiêm) trong quý I/2022; hoàn thành việc tiêm mũi thứ 2 cho người từ 12-17 tuổi trong tháng 3/2022; chuẩn bị tiêm cho trẻ từ 5-11 tuổi; nghiên cứu việc tiêm mũi thứ 4 và các cháu dưới 5 tuổi...

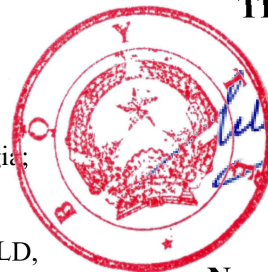
5. Nâng cao năng lực hệ thống y tế, nhất là y tế dự phòng, y tế cơ sở; lập kế hoạch đầu tư cho nghiên cứu y sinh học, phát triển công nghiệp dược, vắc xin, sinh phẩm, thuốc điều trị, trang thiết bị y tế. Tăng cường nguồn nhân lực; có các chính sách thỏa đáng đối với cán bộ y tế và lực lượng tuyến đầu trong phòng chống dịch.

6. Tăng cường công tác thông tin truyền thông, huy động người dân, cộng đồng tham gia công tác phòng chống dịch. Chủ động truyền thông tăng cường thông tin, tuyên truyền bảo đảm kịp thời, chính xác về tình hình và các giải pháp của các cấp có thẩm quyền, theo tinh thần lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực, tăng cường thông tin hướng dẫn để người dân yên tâm, ngăn chặn hiệu quả các luận điệu xuyên tạc, sai trái....

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Các Đồng chí PTT Chính phủ (để báo cáo);
- Các Văn phòng: TƯ, QH, CTN, CP;
- Đoàn Kiểm tra 35;
- Các Đồng chí thành viên Ban chỉ đạo Quốc gia;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Đồng chí Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế: YTDP, KCB, QLD, MT, KHTC, TTKT;
- Lưu: VT, DP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Trường Sơn

Phụ lục 1: Tổng hợp số mắc, tử vong trong nước từ 27/4/2021

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 15/3	Số mắc ngày 16/3	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 16/3	Số tử vong tích lũy đến 15/3
Có lây nhiễm thứ phát trong 14 ngày qua:		175.468	180.552	5.084	6.812.616	41.510
1	Hà Nội	26.708	26.220	-488	891.145	1.164
2	Hồ Chí Minh	2.246	2052	-194	575.229	20.445
3	Bình Dương	3.294	5285	1.991	349.319	3.416
4	Nghệ An	10.752	10.797	45	304.937	122
5	Bắc Ninh	5.007	5.751	744	242.371	127
6	Quảng Ninh	2.992	2999	7	211.624	80
7	Bắc Giang	2.997	2978	-19	204.986	73
8	Phú Thọ	9.062	8335	-727	200.476	62
9	Vĩnh Phúc	2.993	8875	5.882	199.627	19
10	Nam Định	2.805	2599	-206	163.290	127
11	Hưng Yên	4.906	4533	-373	143.816	5
12	Hải Dương	5.464	4.972	-492	140.422	97
13	Hòa Bình	4.846	3984	-862	135.285	94
14	Thái Bình	2.994	3023	29	128.240	17
15	Thái Nguyên	4.920	4933	13	127.752	88
16	Tây Ninh	2.074	1586	-488	107.029	850
17	Hải Phòng	2.032		-2.032	104.092	133
18	Đồng Nai	66	303	237	104.351	1.773
19	Cà Mau	4.476	3881	-595	106.742	314
20	Khánh Hòa	1.725	1380	-345	104.066	322
21	Sơn La	4.827	4504	-323	94.698	
22	Thanh Hóa	1.064	1071	7	120.904	95
23	Bình Định	2.567	3115	548	92.567	254
24	Bình Phước	1.871	2436	565	91.250	206
25	Lào Cai	4.238	4810	572	93.528	28
26	Lạng Sơn	4.584	4941	357	87.400	55
27	Đà Nẵng	1.277	1297	20	82.294	308
28	Đắk Lắk	3.980	4472	492	83.937	130
29	Tuyên Quang	3.987	4297	310	76.745	12
30	Ninh Bình	2.316	2331	15	71.904	80
31	Hà Giang	4.025	2152	-1.873	71.278	67
32	Vĩnh Long	1.313	1770	457	66.988	782
33	Bến Tre	1.072	2686	1.614	65.428	416
34	Quảng Bình	3.024	3656	632	63.796	58
35	Yên Bái	2.827	2897	70	60.391	9
36	BRVT	1.048	918	-130	55.176	472
37	Đồng Tháp	68	62	-6	48.843	977
38	Lâm Đồng	2.398	2598	200	51.233	104
39	Trà Vinh	983	1186	203	49.059	258
40	Cần Thơ	195	130	-65	47.455	918
41	Điện Biên	3.296	3608	312	50.821	12
42	Hà Nam	2.391	2241	-150	48.540	49
43	Cao Bằng	3.056	2658	-398	47.674	26
44	Long An	169	240	71	44.905	990
45	Quảng Trị	2.246	2160	-86	45.104	31

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 15/3	Số mắc ngày 16/3	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 16/3	Số tử vong tích lũy đến 15/3
46	Bạc Liêu	244	251	7	41.583	410
47	Bình Thuận	824	800	-24	42.102	443
48	Quảng Nam	334	346	12	38.731	108
49	An Giang	120	146	26	37.107	1.339
50	Kiên Giang	137	73	-64	36.261	931
51	Tiền Giang	16	18	2	35.779	1.220
52	Lai Châu	2.593	2572	-21	37.911	
53	Gia Lai	2.872	2078	-794	36.596	69
54	Phú Yên	1.254	1005	-249	34.992	108
55	Sóc Trăng	65	93	28	33.241	593
56	Đắc Nông	1.627	1465	-162	34.302	42
57	T.T.Huế	228	257	29	32.202	171
58	Quảng Ngãi	907	1048	141	28.704	110
59	Hà Tĩnh	986	886	-100	27.976	23
60	Bắc Kạn	1.950	1702	-248	21.436	10
61	Hậu Giang	22	56	34	16.734	211
62	Kon Tum	67	974	907	12.503	
63	Ninh Thuận	41	60	19	7.739	57
14 ngày qua không có lây nhiễm thứ phát tại địa phương:						
Đã qua 14 ngày không ghi nhận ca mắc mới:					202	-
	BVNĐ TW				96	
	BV K				106	
	Tổng cộng	175.468	180.552	5.084	6.812.818	41.510

PHỤ LỤC 2
PHÂN BỐ VÀ KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 15/3/2022)

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 131 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 131 đợt
1	Hà Nội	17.746.562	6.227.521	5.992.864	0	233.114	3.948.945	698.010	674.061	17.774.515	100,2%
2	Hải Phòng	4.410.866	1.696.526	1.619.633	0	559.479	344.028	173.514	174.432	4.567.612	103,6%
3	Thái Bình	3.150.960	1.155.158	1.193.355	97.241	268.437	381.880	150.029	146.159	3.392.259	107,7%
4	Nam Định	3.200.140	1.144.725	1.126.621	0	58.539	526.924	158.398	156.097	3.171.304	99,1%
5	Hà Nam	1.823.260	582.570	573.101	0	274.005	244.884	71.438	69.238	1.815.236	99,6%
6	Ninh Bình	1.741.280	675.426	668.271	0	235.215	291.584	82.166	78.443	2.031.105	116,6%
7	Thanh Hoá	7.735.680	2.205.107	2.145.276	290.250	412.372	602.118	283.435	281.516	6.220.074	80,4%
8	Bắc Giang	3.702.018	1.305.661	1.288.142	0	159.744	1.047.406	149.767	149.254	4.099.974	110,7%
9	Bắc Ninh	3.052.490	1.135.977	1.092.493	0	360.419	423.869	115.527	108.163	3.236.448	106,0%
10	Phú Thọ	2.463.940	1.002.725	999.926	0	286.989	402.984	124.912	123.397	2.940.933	119,4%
11	Vĩnh Phúc	2.292.030	790.372	770.851	0	242.233	348.383	114.275	112.331	2.378.445	103,8%
12	Hải Dương	3.287.176	1.332.077	1.279.001	5.429	95.403	453.561	157.247	153.881	3.476.599	105,8%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 131 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 131 đợt
13	Hưng Yên	2.457.762	822.811	798.818	0	304.230	321.810	110.591	110.075	2.468.335	100,4%
14	Thái Nguyên	2.407.650	920.083	888.549	12.792	205.563	226.053	108.213	106.691	2.467.944	102,5%
15	Bắc Cạn	580.140	218.756	217.024	0	13.008	68.301	25.221	23.665	565.975	97,6%
16	Quảng Ninh	3.281.368	1.007.655	972.389	0	21.625	833.415	119.421	110.336	3.064.841	93,4%
17	Hoà Bình	1.646.630	550.050	517.541	0	232.023	139.565	75.444	71.462	1.586.085	96,3%
18	Nghệ An	5.555.580	2.005.436	1.998.146	499.033	570.777	618.628	281.138	267.952	6.241.110	112,3%
19	Hà Tĩnh	2.270.650	801.478	735.249	0	230.717	128.139	113.667	111.801	2.121.051	93,4%
20	Lai Châu	782.870	256.044	245.714	0	107.307	93.147	53.501	47.992	803.705	102,7%
21	Lạng Sơn	1.741.530	509.819	499.351	0	0	422.223	66.528	62.859	1.560.780	89,6%
22	Tuyên Quang	1.425.200	492.446	488.078	0	40.926	243.014	70.237	67.026	1.401.727	98,4%
23	Hà Giang	1.732.720	486.943	470.795	487	157.801	202.856	88.638	84.687	1.492.207	86,1%
24	Cao Bằng	995.520	350.619	332.339	0	72.967	120.468	45.548	41.433	963.374	96,8%
25	Yên Bái	1.637.480	516.558	506.374	0	263.790	207.093	78.940	75.560	1.648.315	100,7%
26	Lào Cai	1.514.820	465.713	453.268	0	254.947	121.846	80.532	74.374	1.450.680	95,8%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 131 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 131 đợt
27	Son La	1.828.320	737.968	696.833	2.334	0	226.573	140.915	131.383	1.936.006	105,9%
28	Điện Biên	1.145.460	335.528	312.554	0	228.303	83.847	72.701	58.834	1.091.767	95,3%
Cộng miền Bắc		85.610.102	29.731.752	28.882.556	907.566	5.889.933	13.073.544	3.809.953	3.673.102	85.968.406	100,4%
29	Quảng Bình	1.520.330	537.337	520.774	0	161.185	136.089	79.703	68.600	1.503.688	98,9%
30	Quảng Trị	1.306.372	432.699	416.008	10.581	65.430	200.306	64.797	60.196	1.250.017	95,7%
31	TT- Huế	2.428.386	786.871	765.630	0	269.282	283.751	102.409	98.227	2.306.170	95,0%
32	Tp. Đà Nẵng	2.495.632	865.731	858.794	0	83.621	746.084	102.113	99.745	2.756.088	110,4%
33	Quảng Nam	3.189.860	1.044.668	1.034.671	31.972	389.200	260.537	132.605	130.337	3.023.990	94,8%
34	Quảng Ngãi	2.755.364	852.611	806.867	0	110.338	385.623	113.371	112.494	2.381.304	86,4%
35	Bình Định	2.964.670	1.049.139	1.014.861	53.672	350.020	272.158	140.863	137.763	3.018.476	101,8%
36	Phú Yên	1.732.454	625.920	597.664	502	77.575	248.909	85.522	80.618	1.716.710	99,1%
37	Khánh Hòa	2.755.850	979.724	953.425	0	395.584	353.763	122.089	115.526	2.920.111	106,0%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 131 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 131 đợt
38	Ninh Thuận	1.233.610	431.723	403.222	0	143.803	155.597	61.421	56.566	1.252.332	101,5%
39	Bình Thuận	2.720.780	914.735	885.907	7.207	266.790	150.975	131.669	125.656	2.482.939	91,3%
Cộng miền Trung		25.103.308	8.521.158	8.257.823	103.934	2.312.828	3.193.792	1.136.562	1.085.728	24.611.825	98,0%
40	Kon Tum	1.020.100	321.087	320.743	10.696	92.749	96.391	58.967	55.533	956.166	93,7%
41	Gia Lai	2.734.912	996.091	916.226	77.472	216.022	162.756	167.610	145.125	2.681.302	98,0%
42	Đắk Lắk	3.400.550	1.259.833	1.199.990	0	512.249	221.323	178.061	164.158	3.535.614	104,0%
43	Đắk Nông	1.287.080	403.172	399.120	0	207.082	125.479	68.070	65.742	1.268.665	98,6%
Cộng Tây Nguyên		8.442.642	2.980.183	2.836.079	88.168	1.028.102	605.949	472.708	430.558	8.441.747	100,0%
44	TP. HCM	20.309.820	7.393.589	6.673.500	0	678.051	4.170.587	728.290	683.315	20.327.332	100,1%
45	BR-VT	2.756.640	971.039	909.158	0	7.261	623.715	110.539	109.284	2.730.996	99,1%
46	Đồng Nai	6.663.800	2.721.173	2.354.716	0	168.346	544.585	284.677	274.559	6.348.056	95,3%
47	Tiền Giang	3.755.890	1.324.959	1.276.025	130.115	105.109	699.336	156.790	157.875	3.850.209	102,5%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 131 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 131 đợt
48	Long An	4.333.358	1.500.944	1.463.013	0	21.752	1.117.462	171.738	157.164	4.432.073	102,3%
49	Lâm Đồng	2.968.224	982.610	965.790	0	524.786	233.236	138.865	120.218	2.965.505	99,9%
50	Tây Ninh	2.581.560	948.781	890.968	0	32.471	501.646	109.066	100.641	2.583.573	100,1%
51	Cần Thơ	2.766.418	944.166	942.616	5.968	341.729	264.024	109.861	102.288	2.710.652	98,0%
52	Sóc Trăng	2.581.060	899.036	865.520	0	662.920	48.563	116.852	111.026	2.703.917	104,8%
53	An Giang	4.084.292	1.363.794	1.345.035	190.206	438.698	259.772	204.039	188.946	3.990.490	97,7%
54	Bến Tre	2.994.032	1.023.278	1.006.132	0	464.742	229.834	106.936	104.322	2.935.244	98,0%
55	Trà Vinh	2.098.550	698.874	685.171	0	14.376	443.219	98.456	90.955	2.031.051	96,8%
56	Vĩnh Long	2.337.120	778.618	764.122	0	290.442	327.557	92.820	87.976	2.341.535	100,2%
57	Đồng Tháp	3.629.810	1.160.481	1.200.662	148	373.642	304.556	157.885	149.140	3.346.514	92,2%
58	Bình Dương	6.222.150	2.434.353	2.181.359	0	144.129	830.697	191.325	152.826	5.934.689	95,4%
59	Bình Phước	2.212.180	752.685	721.089	2	214.690	160.346	109.584	100.949	2.059.345	93,1%
60	Kiên	3.490.150	1.238.102	1.173.734	67.200	0	380.384	167.191	158.557	3.185.168	91,3%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 131 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 131 đợt
	Giang										
61	Cà Mau	2.457.310	819.787	809.044	0	436.097	125.606	112.601	111.924	2.415.059	98,3%
62	Bạc Liêu	1.609.230	568.423	560.090	0	179.545	202.514	88.818	86.161	1.685.551	104,7%
63	Hậu Giang	1.529.630	532.247	513.927	0	251.523	118.930	74.042	71.613	1.562.282	102,1%
Cộng miền Nam		81.381.224	29.056.939	27.301.671	393.639	5.350.309	11.586.569	3.330.375	3.119.739	80.139.241	98,5%

Ghi chú:

- 320.800 liều vắc xin AstraZeneca đợt 129; 1.223.630 liều vắc xin Moderna đợt 130 và 500.000 liều vắc xin Verocell đợt 131 có Quyết định phân bổ ngày 01/3/2022; 100.000 liều vắc xin Sputnik Light có Công văn phân bổ ngày 03/3/2022.

- Một số tỉnh, thành phố có số tiêm mũi 1, mũi 2 cao hơn dân số từ 18 tuổi trở lên và số tiêm mũi 2 cao hơn mũi 1 do di biến động dân cư.

- Số phân bổ trên bảng chưa bao gồm 65.950 liều vắc xin kiểm định, lưu mẫu; 310.000 liều cấp cho các đơn vị theo yêu cầu của nhà tài trợ (Tập đoàn Vạn Thịnh Phát, Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, VNVC) và số phân bổ của Bộ Quốc phòng/Bộ Công an.

- Bộ Quốc phòng được cấp 1.649.420 liều vắc xin, đơn vị y tế của Bộ Quốc phòng đã triển khai tiêm được 1.432.376 liều, trong đó có 574.604 mũi 1, 519.399 mũi 2 và 338.373 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh.

- Bộ Công an được cấp 1.442.480 liều, đơn vị y tế của Bộ Công an triển khai tiêm được 136.259 liều, trong đó có 59.924 mũi 1, 37.872 mũi 2 và 38.463 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh.

PHỤ LỤC 3
TỶ LỆ BAO PHỦ VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 15/3/2022)

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
1	Hà Nội	5.449.464	676.050	100,0%	100,0%	72,5%	100,0%	99,7%
2	Hải Phòng	1.442.515	168.000	100,0%	100,0%	23,8%	100,0%	100,0%
3	Thái Bình	1.245.000	150.000	92,8%	95,9%	30,7%	100,0%	97,4%
4	Nam Định	1.159.000	145.000	98,8%	97,2%	45,5%	100,0%	100,0%
5	Hà Nam	612.219	72.258	95,2%	93,6%	40,0%	98,9%	95,8%
6	Ninh Bình	665.715	81.762	101,5%	100,0%	43,8%	100,0%	95,9%
7	Thanh Hoá	2.204.426	285.497	100,0%	97,3%	27,3%	99,3%	98,6%
8	Bắc Giang	1.280.197	150.059	100,0%	100,0%	81,8%	99,8%	99,5%
9	Bắc Ninh	1.146.710	116.710	99,1%	95,3%	37,0%	99,0%	92,7%
10	Phú Thọ	1.010.520	128.757	99,2%	99,0%	39,9%	97,0%	95,8%
11	Vĩnh Phúc	789.896	115.958	100,0%	97,6%	44,1%	98,5%	96,9%
12	Hải Dương	1.344.063	157.641	99,1%	95,2%	33,7%	99,8%	97,6%
13	Hưng Yên	826.028	112.803	99,6%	96,7%	39,0%	98,0%	97,6%
14	Thái Nguyên	918.061	107.936	100,2%	96,8%	24,6%	100,0%	98,8%
15	Bắc Cạn	220.169	25.202	99,4%	98,6%	31,0%	100,0%	93,9%
16	Quảng Ninh	1.020.234	121.623	98,8%	95,3%	81,7%	98,2%	90,7%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
17	Hoà Bình	570.146	73.734	96,5%	90,8%	24,5%	100,0%	96,9%
18	Nghệ An	1.960.688	274.429	100,0%	100,0%	31,6%	100,0%	97,6%
19	Hà Tĩnh	795.436	115.398	100,0%	92,4%	16,1%	98,5%	96,9%
20	Lai Châu	261.410	52.540	97,9%	94,0%	35,6%	100,0%	91,3%
21	Lạng Sơn	506.403	65.750	100,0%	98,6%	83,4%	100,0%	95,6%
22	Tuyên Quang	488.140	72.401	100,0%	100,0%	49,8%	97,0%	92,6%
23	Hà Giang	490.008	89.928	99,4%	96,1%	41,4%	98,6%	94,2%
24	Cao Bằng	368.973	44.257	95,0%	90,1%	32,6%	100,0%	93,6%
25	Yên Bái	510.271	79.169	100,0%	99,2%	40,6%	99,7%	95,4%
26	Lào Cai	445.152	79.914	100,0%	100,0%	27,4%	100,0%	93,1%
27	Sơn La	737.237	141.675	100,1%	94,5%	30,7%	99,5%	92,7%
28	Điện Biên	339.186	67.539	98,9%	92,1%	24,7%	100,0%	87,1%
Cộng miền Bắc		28.807.267	3.771.990	100,0%	100,0%	45,4%	100,0%	97,4%
29	Quảng Bình	541.719	79.538	99,2%	96,1%	25,1%	100,0%	86,2%
30	Quảng Trị	453.602	65.509	95,4%	91,7%	44,2%	98,9%	91,9%
31	TT- Huế	779.911	103.142	100,0%	98,2%	36,4%	99,3%	95,2%
32	Tp. Đà Nẵng	885.070	102.225	97,8%	97,0%	84,3%	99,9%	97,6%
33	Quảng Nam	1.086.469	140.387	96,2%	95,2%	24,0%	94,5%	92,8%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
34	Quảng Ngãi	852.717	114.877	100,0%	94,6%	45,2%	98,7%	97,9%
35	Bình Định	1.115.072	146.514	94,1%	91,0%	24,4%	96,1%	94,0%
36	Phú Yên	649.673	85.684	96,3%	92,0%	38,3%	99,8%	94,1%
37	Khánh Hòa	952.940	128.449	100,0%	100,1%	37,1%	95,0%	90,0%
38	Ninh Thuận	409.689	57.230	100,0%	98,4%	38,0%	100,0%	98,8%
39	Bình Thuận	902.470	128.964	100,0%	98,2%	16,7%	100,0%	97,4%
Cộng miền Trung		8.629.332	1.152.519	98,7%	95,7%	37,0%	98,6%	94,2%
40	Kon Tum	338.741	60.751	94,8%	94,7%	28,5%	97,1%	91,4%
41	Gia Lai	950.154	166.462	100,0%	96,4%	17,1%	100,0%	87,2%
42	Đắk Lắk	1.266.098	185.763	99,5%	94,8%	17,5%	95,9%	88,4%
43	Đắk Nông	404.872	68.824	99,6%	98,6%	31,0%	98,9%	95,5%
Cộng Tây Nguyên		2.959.865	481.800	100,0%	95,8%	20,5%	98,1%	89,4%
44	TP. HCM	6.826.573	831.740	100,0%	97,8%	61,1%	87,6%	82,2%
45	BR-VT	956.596	112.724	100,0%	95,0%	65,2%	98,1%	96,9%
46	Đồng Nai	2.489.971	292.031	100,0%	94,6%	21,9%	100,0%	94,0%
47	Tiền Giang	1.300.609	158.524	100,0%	98,1%	53,8%	98,9%	99,6%
48	Long An	1.452.231	167.662	100,0%	100,0%	76,9%	100,0%	93,7%
49	Lâm Đồng	972.137	131.801	100,0%	99,3%	24,0%	100,0%	91,2%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
50	Tây Ninh	954.662	103.358	99,4%	93,3%	52,5%	100,0%	97,4%
51	Cần Thơ	947.860	112.746	99,6%	99,4%	27,9%	97,4%	90,7%
52	Sóc Trăng	866.520	111.555	100,0%	99,9%	5,6%	100,0%	99,5%
53	An Giang	1.371.622	198.826	99,4%	98,1%	18,9%	100,0%	95,0%
54	Bến Tre	1.038.922	104.446	98,5%	96,8%	22,1%	100,0%	99,9%
55	Trà Vinh	698.227	96.275	100,0%	98,1%	63,5%	100,0%	94,5%
56	Vĩnh Long	769.026	91.692	100,0%	99,4%	42,6%	100,0%	95,9%
57	Đồng Tháp	1.245.157	159.973	93,2%	96,4%	24,5%	98,7%	93,2%
58	Bình Dương	2.361.053	194.210	100,0%	92,4%	35,2%	98,5%	78,7%
59	Bình Phước	758.594	107.044	99,2%	95,1%	21,1%	100,0%	94,3%
60	Kiên Giang	1.190.277	172.958	100,0%	98,6%	32,0%	96,7%	91,7%
61	Cà Mau	813.771	112.247	100,0%	99,4%	15,4%	100,0%	99,7%
62	Bạc Liêu	572.580	90.822	99,3%	97,8%	35,4%	97,8%	94,9%
63	Hậu Giang	536.163	70.270	99,3%	95,9%	22,2%	100,0%	100,0%
Cộng miền Nam		28.122.551	3.420.904	103,3%	97,1%	41,2%	100,0%	91,2%

PHỤ LỤC 4
Công tác liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19
của một số Bộ, ngành

I. Bộ Quốc phòng

Tình hình nhập xuất cảnh qua biên giới đường bộ từ 16h00 ngày 14/3/2022 đến 16h00 ngày 15/3/2022:

- Tổng xuất nhập cảnh: 3.529 lượt người (nhập cảnh: 1.485, xuất cảnh: 2.044).
- + Tuyến VN-TQ: 359 lượt người (nhập cảnh: 147, xuất cảnh: 212).
- + Tuyến VN-Lào: 2.078 lượt người (nhập cảnh 926, xuất cảnh: 1.152).
- + Tuyến VN-CPC: 1.092 lượt người (nhập cảnh 412; xuất cảnh: 680).
- Bàn giao cho y tế địa phương cách ly: 544 người trong đó:
 - + Số người nhập cảnh qua cửa khẩu: 448 người (VN-TQ: 0; VN-Lào: 66, VN-CPC: 382).
 - + Số người nhập cảnh trái phép: 67 người (VN-TQ: 0; VN-Lào: 04, VN-CPC: 73).
 - + Số người trao trả: 29 người (VN-TQ: 29; VN-Lào: 0, VN-CPC: 0).

II. Bộ Công an

Tình hình nhập xuất cảnh qua đường hàng không từ ngày 14/3/2022 tới ngày 15/3/2022:

- Tổng số người nước ngoài nhập xuất cảnh: 1.072 lượt người (nhập cảnh: 649 lượt người; xuất cảnh: 423 lượt người).
- Tổng số công dân Việt Nam nhập xuất cảnh: 2.370 lượt người (nhập cảnh: 1.021 lượt người; xuất cảnh: 1.349 lượt người).

III. Thông tấn xã Việt Nam

Ngày 16/3, TTXVN đăng phát, cung cấp cho các cơ quan báo chí, thông tin trực tiếp đến công chúng 45 tin/bài tiếng Việt; 48 ảnh trong nước và quốc tế; 23 tin/bài bằng các ngữ Anh, Pháp, Trung, Tây Ban Nha, Nga; Trung tâm Truyền hình Thông tấn sản xuất và phát sóng tin, phóng sự về diễn biến dịch bệnh, công tác phòng, chống COVID-19 ở trong nước và các vấn đề liên quan, cập nhật diễn biến dịch bệnh trên thế giới. Trung tâm thông tin Tư liệu và Đồ họa thực hiện 4 tin đồ họa về dịch bệnh COVID-19 ở Việt Nam và trên thế giới.

TTXVN đã lập các chuyên trang thông tin về dịch bệnh COVID-19 tại địa chỉ: <https://ncov.vnanet.vn/> và <https://covid19.vnanet.vn/>; đồng thời phổ biến thông tin trên các trang mạng xã hội của TTXVN bằng nhiều ngôn ngữ, được Facebook xác thực, đặc biệt là fanpage (bản tiếng Việt) tại địa chỉ: www.facebook.com/ThongtanxaVietNam.

IV. Bộ Thông tin và truyền thông

1. Viễn thông

- Các DNVT di động tiếp tục duy trì việc cài đặt âm thông báo tại: Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Phước.

- Tính đến hết 15/3, hệ thống tổng đài 19009095 đã tiếp nhận và xử lý gần 10.464.000 cuộc gọi (ngày 15/3 đã tiếp nhận và xử lý hơn 5 nghìn cuộc gọi).

05/3	06/3	07/3	08/3	09/3	10/3	11/3	12/3	13/3	14/3	15/3
5629	5763	5954	5474	6212	5829	5393	4394	4024	5251	5319

- Tổng đài hỗ trợ khai bảo y tế 18001119:

Từ 18/5/2021 – 15/3/2022 đã tiếp nhận hơn 313 nghìn cuộc (ngày 15/3/2022 đã tiếp nhận 37 cuộc).

Tiêu chí	05/3	06/3	07/3	08/3	09/3	10/3	11/3	12/3	13/3	14/3	15/3
Cuộc gọi đến	52	56	43	41	35	46	33	25	31	34	37

2. Ứng dụng Công nghệ thông tin:

2.1. Triển khai ứng dụng PC-Covid:

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đến ngày 30/9/2021, Bộ TT&TT đã hoàn tất việc phát triển một ứng dụng duy nhất của Ban Chỉ đạo phòng, chống Covid-19 Quốc gia lấy tên là PC-Covid. Ứng dụng PC-Covid đã được đưa lên Kho ứng dụng Apple và Google và chính thức được giới thiệu vào ngày 01/10/2021.

- Toàn quốc có tổng số điện thoại thông minh cài PC-Covid: 39.165.000 37.823.000, chiếm 39,43% dân số, 56,72% số điện thoại thông minh.

2.2 Triển khai QR code

Triển khai Nền tảng khai báo y tế điện tử và quản lý thông tin người ra vào địa điểm công cộng bằng mã vuông QR giúp truy vết nhanh, khi có trường hợp F0 dễ dàng phát hiện ngay danh sách các địa điểm công cộng mà F0 đã đến.

- Toàn quốc:

+ 3.776.659 điểm đăng ký

+ 84.448 điểm ghi nhận hoạt động.

- Tổng lượt quét mã QR để ghi nhận vào ra tại các địa điểm đăng ký: 267.009.757

2.3 Nền tảng quản lý tiêm chủng:

- Tổng số mũi tiêm thực tế: 200.729.854

- Tổng số mũi tiêm đã cập nhật lên Nền tảng: 187.240.558

- Tỷ lệ tổng mũi tiêm trên nền tảng/ tổng mũi tiêm thực tế đạt: 93,28%

- Tổng số thuê bao cài đặt Sổ sức khỏe điện tử (SKĐT): 33.343.337

- Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19 đã được hoàn thành và đang được triển khai tại các tỉnh, thành phố.

2.4 Triển khai Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm theo hình thức điện tử trực tuyến

Trung tâm công nghệ phòng chống Covid-19 Quốc gia đã phối hợp cùng triển khai Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm theo hình thức điện tử trực

tuyển tại một số địa phương: Tây Ninh; Bình Dương; Bắc Giang; Đồng Nai; Đồng Tháp; Cần Thơ; Vĩnh Long; Bà Rịa – Vũng Tàu... và 26 địa phương khác cũng đang trong quá trình tập huấn để chuẩn bị triển khai. Một số địa phương triển khai dữ liệu xét nghiệm tốt và có hiệu quả, điển hình là tỉnh Tây Ninh. Trên 90% dữ liệu kết quả xét nghiệm của Tây Ninh được số hoá trên Nền tảng, sẵn sàng chia sẻ và sử dụng.

- Tổng số mẫu nhập vào nền tảng hỗ trợ lấy mẫu: 21.160.484

- Tổng số kết quả xét nghiệm trả qua Bluezone/PCCovid của các tỉnh 8.302.218

3. Báo chí, truyền thông

- Tin, bài về COVID-19 chiếm 14,5%/tổng tin, bài trên báo chí điện tử.

- Một số các cơ quan báo chí vẫn duy trì nhiều tin, bài về phòng, chống dịch: Báo Tin tức, Thanh niên, Lao động, VOV, Nhân dân, Tuổi trẻ, Tiền phong, Người lao động...

(1) Nhận định chung:

- Báo chí thông tin kịp thời về các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, BCĐ Quốc gia về phòng, chống dịch bệnh COVID-19.

- Tuyên truyền về các biện pháp phòng, chống dịch của bộ, ngành, địa phương: Hướng dẫn của Bộ Y tế đối với người nhập cảnh; điều chỉnh một số biện pháp phòng dịch cho phù hợp với tình hình mới...

- Tiếp tục hướng dẫn, khuyến cáo việc điều trị F0, cách sử dụng các loại thuốc an toàn; tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân, không được lơ là, chủ quan khi số ca mắc trong cộng đồng ngày càng tăng cao.

(2) Thông tin về chỉ đạo chống dịch:

- Chính phủ ban hành Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 15/3/2022 miễn thị thực cho công dân 13 nước gồm: Đức, Pháp, Italia, Tây Ban Nha, Anh và Bắc Ireland, Nga, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đan Mạch, Thụy Điển, Na Uy, Phần Lan và Belarus khi nhập cảnh Việt Nam với thời hạn tạm trú 15 ngày kể từ ngày nhập cảnh, không phân biệt loại hộ chiếu, mục đích nhập cảnh, trên cơ sở đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Chính sách miễn thị thực khi nhập cảnh Việt Nam cho công dân các nước nêu trên được thực hiện trong thời hạn 3 năm, kể từ ngày 15/3/2022 đến hết ngày 14/3/2025 và sẽ được xem xét gia hạn theo quy định.

- Bộ Y tế ban hành văn bản số 1265/BYT-DP về việc phòng, chống dịch COVID-19 đối với người nhập cảnh.

(3) Công tác phòng, chống dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và một số địa phương:

- Thành phố Hồ Chí Minh:

Ngày 15/3, UBND TP.HCM đã có văn bản khẩn, chỉ đạo các đơn vị bảo đảm cung cấp trang thiết bị y tế, kit test nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2 phục vụ phòng, chống dịch COVID-19.

Theo đó, TP giao Sở Y tế, Sở Công Thương, Sở Tài chính, Công an thành phố, Cục Quản lý thị trường và UBND quận, huyện và TP. Thủ Đức tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả theo công văn 729/2022 của Bộ Y tế.

- Thành phố Hà Nội:

Ngày 15/3, Hà Nội có văn bản về việc triển khai thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19 và mở cửa lại các hoạt động du lịch trong tình hình mới; đề nghị tuyệt đối không lơ là, tiếp tục thực hiện đầy đủ, đồng bộ các quy định, biện pháp phòng, chống dịch theo đúng chỉ đạo của Chính phủ, triển khai hiệu quả hơn nữa công tác tiêm vắc-xin phòng COVID-19; Kiểm soát và xử lý kịp thời các ca nhiễm, giữ mức độ an toàn cao nhất cho học sinh, giáo viên...

Về vấn đề mở cửa lại các hoạt động du lịch, giao Sở Du lịch rà soát, cập nhật các chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Bộ Y tế, Bộ VHTT&DL để việc đón du khách đến Hà Nội được an toàn, chu đáo; Giới thiệu hoạt động du lịch trong điều kiện bình thường mới...

- Bình Dương: Số ca mắc trên địa bàn cho thấy có xu hướng tăng cao, tuy nhiên, hầu hết F0 đều không có triệu chứng hoặc triệu chứng nhẹ. Do đó, tỉnh sẽ tạm thời dừng công bố số ca mắc mỗi ngày, thay vào đó tập trung vào việc nâng cao chất lượng trong chăm sóc sức khỏe, giảm tỉ lệ F0 diễn biến nặng và tử vong.

Ngành y tế Bình Dương cũng đã xây dựng kế hoạch tiêm vét mũi 1, mũi 2 và mũi 3 vắc-xin phòng COVID-19 cho toàn dân trên địa bàn tỉnh, nhằm đạt tỷ lệ bao phủ cao và hoàn tất việc tiêm chủng theo kế hoạch đến ngày 31/3/2022.